

Số: /TTr-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Căn cứ Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

- Căn cứ Nghị Quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó đã chỉ ra các nhiệm vụ, giải pháp về “đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính”; “đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu”;

- Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCDTW ngày 19/06/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực

cuộc tranh đấu quốc gia năm 2025, trong đó đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp về: “Cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Công bố, công khai kịp thời các thủ tục hành chính, bao gồm các thủ tục hành chính nội bộ. Tăng trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp”; “Nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh”;

- Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/03/2025 của chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, trong đó đặt ra mục tiêu năm 2025 như sau:

(1) Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh 2 không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

(2) 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ.

(3) 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

(4) Hoàn thành việc thực thi 100% phương án về phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

(5) 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện và sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

- Triển khai thực thi Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 18/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong quá trình triển khai thực hiện một số Nghị định của Chính phủ có nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực do Bộ Xây dựng quản lý còn một số vấn đề bất cập cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi để hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định tại các nghị định, nghị quyết của Chính phủ có liên quan về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; về cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính; về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về cung cấp thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến sử dụng

giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID và trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử qua VNeID, cụ thể như sau:

2.1. Về thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền

Để đảm bảo theo chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh: (1) Phân cấp, phân quyền tại Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng; (2) Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2.2. Thực hiện nhiệm vụ được Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về cung cấp thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến sử dụng giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID và trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử qua VNeID

Tại Thông báo số 27-TB/TGV ngày 08/6/2025 của Ban Chỉ đạo đã giao các Bộ, ngành, địa phương “Nghiên cứu, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình đối với các thủ tục hành chính có thể sử dụng thông tin giấy tờ đã tích hợp trên VNeID và các thủ tục hành chính ứng dụng dữ liệu hộ tịch, đất đai đã được số hóa”; tại Thông báo số 35-TB/TGV ngày 11/7/2025 của Ban Chỉ đạo đã giao các Bộ, cơ quan ngang bộ “Phối hợp với Bộ Công an thống nhất giải pháp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua ứng dụng VNeID. Nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ ban hành quy định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quy định cơ quan nhà nước các cấp chỉ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử hợp lệ, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy”.

Tại Kế hoạch số 02 - KH/BXDTW ngày 19/06/2025 đã giao “Các bộ, ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử. Hoàn thành trong tháng 9/2025”.

2.3. Về cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa những điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính không cần thiết về thời gian giải quyết, hình thức tiếp nhận, trả kết quả, thành phần hồ sơ, đẩy mạnh ứng dụng việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, môi trường số, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1406/QĐ-BXD ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ

tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Căn cứ các cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Rà soát, sửa đổi thẩm quyền quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng và các cơ quan, đơn vị sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng được giao quản lý, bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách và các quy định pháp luật mới được ban hành.

- Triển khai thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng đã được Thủ tướng chính phủ phê quyết theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 18/08/2025 (trừ một số phương án đang được triển khai thực thi tại các dự thảo Nghị định theo lĩnh vực chuyên ngành); đồng thời tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ nhằm bảo đảm công tác quản lý nhà nước rõ ràng, minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phục vụ người dân, các tổ chức, cá nhân được tốt hơn.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Một là, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để phù hợp với các nhiệm vụ đã phân định, phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ xây dựng và các cơ quan, đơn vị.

Hai là, thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, sử dụng ứng dụng *VNeID* hiển thị các thông tin trên các thiết bị điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ chuyển đổi số quốc gia; đảm bảo việc cắt giảm điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ.

Ba là, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật, đặc biệt là phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong giai đoạn gần đây như: Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Căn cước năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bốn là, rà soát đầy đủ để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương, tổ chức và cá nhân trong tổ chức thực hiện các Nghị định.

Năm là, kế thừa các quy định hiện hành đã ổn định, phát huy hiệu quả trên thực tế.

Sáu là, bảo đảm tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện và sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Thực hiện Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 18/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, ngày 17/10/2025, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1781/QĐ-BXD ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung để thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt. Để bảo đảm yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về tiến độ và mục tiêu đề ra trong năm 2025, Bộ Xây dựng đã dự thảo Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước lĩnh vực xây dựng, giao thông theo **trình tự thủ tục rút gọn**.

2. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ), Bộ Xây dựng đã thực hiện việc truyền thông, đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến rộng rãi.

3. Ngày /11/2025, Bộ Xây dựng có văn bản số /BXD-PC gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để xin ý kiến góp ý theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (... tổ chức).

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia của ... tổ chức (trong đó: ý kiến thống nhất như dự thảo Nghị định và ... ý kiến góp ý), Bộ Xây dựng đã tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ Nghị định và có công văn số ngày 2025 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về hồ sơ Nghị định.

4. Ngày 2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Ngày tháng năm 2025, Bộ Tư pháp đã văn bản số /BCTĐ-BTP về việc thẩm định dự thảo Nghị định.

5. Ngày tháng năm 2025, Bộ Xây dựng đã có văn bản số /BXD-PC về việc tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Nghị định không sửa đổi phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng quy định tại các Nghị định số: 87/2009/NĐ-CP, 62/2016/NĐ-CP, 06/2021/NĐ-CP, 175/2024/NĐ-CP, 58/2017/NĐ-CP, 70/2016/NĐ-CP, 57/2024/NĐ-CP, 76/2021/NĐ-CP, 143/2017/NĐ-CP, 05/2017/NĐ-CP, 78/2016/NĐ-CP, 171/2016/NĐ-CP, 16/2018/NĐ-CP, 160/2016/NĐ-CP, 82/2019/NĐ-CP, 37/2017/NĐ-CP, 29/2017/NĐ-CP, 60/2023/NĐ-CP, 30/2013/NĐCP, 96/2021/NĐ-CP, 125/2015/NĐ-CP, 05/2021/NĐ-CP, 92/2016/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Đối với Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải), dự thảo Nghị định đã điều chỉnh phạm vi điều chỉnh của Nghị định này như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển, ngoại trừ các cơ sở sau:

- a) Cơ sở chỉ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển có tổng dung tích dưới 500;
- b) Cơ sở chỉ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển chở dưới 50 khách;
- c) Cơ sở chỉ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;
- d) Cơ sở chỉ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu cá.”.

- Đối với Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương), dự thảo Nghị định đã điều chỉnh đối tượng áp dụng về ô tô nhập khẩu của Nghị định này như sau:

“b) Ô tô nhập khẩu:

- Phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh theo kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Theo hình thức tạm nhập khẩu của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Thuộc diện quà biếu, quà tặng, tài sản di chuyển; hàng viện trợ của nước ngoài; phục vụ công tác nghiên cứu khoa học;

- Phục vụ các mục đích cá biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Theo hình thức tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; chuyển khẩu; gửi kho ngoại quan; quá cảnh;

- Không tham gia giao thông công cộng, chỉ hoạt động trong phạm vi hẹp;
- Ô tô chuyên dùng, ô tô chở người chuyên dùng và ô tô chở hàng chuyên dùng được quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường;”.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 26 Chương, 119 Điều, trong đó:

- Chương I - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức: gồm 2 Điều.

- Chương II - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023): gồm 7 Điều.

- Chương III - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng): gồm 6 Điều.

- Chương IV- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng: gồm 3 Điều.

- Chương V - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải(được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực hàng hải): gồm 15 Điều.

- Chương VI: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018; Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025): gồm 11 Điều.

- Chương VII: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2018; Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022): gồm 03 Điều.

- Chương VIII - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018): gồm 02 Điều.

- Chương IX - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua bán, đóng mới tàu biển (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển; Nghị định số 247/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020): gồm 01 Điều.

- Chương X - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022): gồm 01 Điều.

- Chương XI - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018; Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết

thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023): gồm 02 Điều.

- Chương XII - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018; Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022): gồm 02 Điều.

- Chương XIII - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải: gồm 01 Điều.

- Chương XIV - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam: gồm 01 Điều.

- Chương XV - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022; Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.): gồm 07 Điều.

- Chương XVI - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định tiêu chí phân loại cảng biển: gồm 01 Điều.

- Chương XVII - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa: gồm 03 Điều.

- Chương XVIII - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải): gồm 6 Điều.

- Chương XIX - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2023 quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu và kinh kiện nhập khẩu theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: gồm 81 Điều.

- Chương XX - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương): gồm 10 Điều.

- Chương XXI - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16/2/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng): gồm 05 Điều.

- Chương XXII - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2021/NĐ-CP ngày 02/11/2021 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang: gồm 03 Điều.

- Chương XXIII - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay: gồm 02 Điều.

- Chương XXIV - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/02/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ): 08 Điều.

- Chương XXV - Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16/2/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số

92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng): gồm 05 Điều.

- Chương XXIII - Điều khoản thi hành: gồm 3 Điều.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở đẩy mạnh số hoá, tự động hoá, tái sử dụng dữ liệu (hoạt động xây dựng, dân cư, doanh nghiệp...);

3.2. Cắt giảm hoặc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm hoặc đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hoá, lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên thông điện tử.

3.3. Chuyển một số thành phần hồ sơ phải nộp là “Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính để đối chiếu” thành “Bản sao hoặc bản sao điện tử”;

3.4. Bãi bỏ thủ tục hành chính nhằm giảm bớt sự can thiệp của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động, tăng quyền tự quyết của doanh nghiệp và giảm bớt giấy tờ, thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp;

3.5. Bãi bỏ thành phần hồ sơ giấy có thể thay thế bằng dữ liệu được quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

3.6. Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ Cảng vụ Hàng hải về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phân cấp thẩm quyền thẩm định dự án từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh.

3. 7. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

3. 8. Bổ sung phương thức nộp, gửi xác nhận việc nộp phí, lệ phí.

3.9. Bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư.

3.10. Rà soát, đánh giá, đề xuất phương án bãi bỏ hoặc thu hẹp phạm vi các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không đáp ứng được các quy định, tiêu chí của Luật Đầu tư.

3.11 Rà soát, đề xuất phương án bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không hợp pháp được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận; hoặc đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh không hợp lý theo hướng cắt giảm đối tượng tuân thủ, tần suất thực hiện, kéo dài hoặc bãi bỏ thời gian có hiệu lực của các giấy tờ trên, ...

3.12. Ban hành biểu mẫu hồ sơ, biểu mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính

đối với thủ tục Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình và thủ tục Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp đối với nhà ở riêng lẻ).

3.13. Quy định thống nhất thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP theo hướng phân cấp mạnh mẽ việc kiểm tra công tác nghiệm thu cho cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương. Theo đó, các Bộ Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chỉ thực hiện kiểm tra đối với các công trình cấp đặc biệt (là các công trình có tính kỹ thuật phức tạp, đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu, đa số các địa phương chưa đáp ứng được kịp thời), công trình do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư thuộc chuyên ngành quản lý và công trình được xây dựng trên địa bàn hành chính từ hai tỉnh trở lên thuộc dự án không phải do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản theo Luật Đầu tư công năm 2024 hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020.

3.14. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP theo hướng đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chỉ thường xuyên thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình theo yêu cầu của Đoàn Giám sát - Ủy ban thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023" tại Báo cáo số 807/BC-ĐGS ngày 22/4/2024 và Nghị quyết số 1313/NQ-UBTVQH15 ngày 25/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3.15. Bổ sung nội dung chuyên tiếp về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính sau khi Nghị định được ban hành, đảm bảo tính khả thi và không gây vướng mắc trong thực tiễn.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO GỬI THẨM ĐỊNH

(Chưa có)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện

1.1. Dự kiến nguồn lực

Các nội dung sửa đổi, bổ sung đã có nghiên cứu, đánh giá về tính khả thi, hiệu quả và bảo đảm không phát sinh thêm cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị. Đối với các cơ quan được chuyển giao thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính: Việc chuyển giao thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trên cơ sở đã có nghiên cứu, đánh giá về tính khả thi, hiệu quả và bảo đảm không phát sinh

thêm cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan được giao thực hiện thủ tục hành chính là những cơ quan đã thực hiện nhiều nhiệm vụ liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính nên sẽ không phát sinh vướng mắc, bất cập về nhân lực thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Về bảo đảm nguồn kinh phí

Kinh phí thực thi Nghị định do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác thi hành Nghị định phải đúng mục đích, nội dung, chế độ và định mức chi theo quy định của pháp luật về các chế độ chi tiêu tài chính.

Sau khi Nghị định được ban hành, dự kiến kinh phí triển khai thực hiện bao gồm kinh phí tuyên truyền, phổ biến Nghị định đến các đối tượng là cá nhân, tổ chức chịu tác động.

2. Về thời gian trình ban hành

Thời gian trình ban hành: dự kiến trình Chính phủ ban hành trong tháng 12/2025.

Trên đây là Tờ trình Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Bộ Xây dựng xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

- 1. Tờ trình ;*
- 2. Dự thảo Nghị định;*
- 3.. Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định;*
- 4. Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định;*
- 5. Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách của/Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;*
- 6. Báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.*

Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các Vụ: PC, VT, KHCNMT&VLXD;
- Văn phòng Bộ;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

- Các Cục: ĐBVN, ĐKVN, HH&ĐTNĐ, HKVN, QLN&TTBĐS, GĐ, KT-QLĐTXD;
- Lưu VT, PC.